

Số: /KH-UBND Thành phố Lai Châu, ngày tháng 02 năm 2023

KẾ HOẠCH
Đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2023
trên địa bàn thành phố Lai Châu

Căn cứ Quyết định số 133/QĐ-UBND, ngày 06/02/20223 của UBND tỉnh Lai Châu về ban hành kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Lai Châu năm 2023;

Thực hiện Quyết định số 3038/QĐ-UBND, ngày 19/12/2022 của UBND thành phố Lai Châu về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023. UBND thành phố Lai Châu ban hành Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2023 trên địa bàn thành phố Lai Châu như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Xác định cụ thể mục tiêu, đối tượng, chính sách hỗ trợ, kinh phí thực hiện và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị, đoàn thể, UBND các xã, phường trong việc tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Nâng cao chất lượng lao động nông thôn thông qua việc đào tạo, trang bị kiến thức cơ bản về kỹ năng nghề, giúp người học sau khi kết thúc khóa đào tạo, vận dụng kiến thức đã học vào sản xuất, tạo việc làm góp phần cải thiện đời sống, tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững.

Thúc đẩy quá trình đào tạo nghề phi nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp công nghệ cao và đảm bảo an sinh xã hội; góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

2. Yêu cầu

Đào tạo nghề theo nhu cầu của người lao động, yêu cầu của thị trường lao động; gắn đào tạo nghề với định hướng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động và nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; đảm bảo đào tạo đúng đối tượng, thực hiện đúng chế độ chính sách quy định.

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tham gia đào tạo phải có đủ điều kiện hoạt động giáo dục nghề nghiệp; không tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn khi chưa dự báo được nơi làm việc và mức thu nhập của người lao động sau đào tạo.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật là 84,5%, trên 85% số người sau đào tạo, học nghề có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ nhưng có năng suất, thu nhập cao hơn.

2. Chỉ tiêu đào tạo

Tổng số 08 lớp = 250 lao động, trong đó:

- Nghề nông nghiệp: 160 người.
- Nghề phi nông nghiệp: 90 người.

(Có biểu Phụ lục kèm theo)

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Đối tượng

Lao động nông thôn tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo thường xuyên, trong đó ưu tiên: Người khuyết tật; đối tượng thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; người dân tộc thiểu số; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ mới thoát nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ mất việc làm; người chấp hành xong án phạt tù, người sau cai nghiện trở về cộng đồng.

2. Điều kiện người học được hỗ trợ đào tạo

a) Trong độ tuổi lao động (nữ từ đủ 15-55 tuổi; nam từ đủ 15-60 tuổi), có nhu cầu học nghề, có trình độ học vấn; trường hợp học nghề, tập nghề để làm việc cho người sử dụng lao động thì phải đủ 14 tuổi; những người không biết đọc, viết có thể tham gia học những nghề phù hợp thông qua hình thức kèm cặp, truyền nghề và phải đủ sức khỏe phù hợp với ngành nghề cần học.

b) Có phương án tự tạo việc làm sau học nghề đảm bảo tính khả thi theo xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường hoặc được đơn vị sử dụng lao động cam kết tuyển dụng hoặc có đơn vị cam kết bao tiêu sản phẩm sau học nghề.

c) Đối với lao động nông thôn: Người lao động có hộ khẩu thường trú tại xã, phường đang trực tiếp làm nông nghiệp hoặc thuộc hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi.

d) Đối với người khuyết tật: Có giấy xác nhận khuyết tật hoặc sổ lĩnh trợ cấp hàng tháng.

đ) Đối với lao động bị mất việc làm

Trường hợp làm việc theo hợp đồng có một trong các giấy tờ sau: Quyết định thôi việc, buộc thôi việc; quyết định sa thải; thông báo hoặc thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc; hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc đã hết hạn hoặc đã hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động; trường hợp làm việc không theo hợp đồng: Giấy xác nhận của người sử dụng lao động; trường hợp tự tạo việc làm: Giấy đăng ký kinh doanh còn hiệu lực hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường (trong trường hợp không có giấy đăng ký kinh doanh).

e) Đối với người đã được hỗ trợ đào tạo nhưng bị mất việc làm thì ngoài các giấy tờ quy định cần bổ sung thêm chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa đào tạo trước đó.

f) Đối với người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh: Quyết định thu hồi đất còn trong thời hạn được hỗ trợ quy định tại Điều 4 Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất.

3. Chính sách đối với người học

a) Hỗ trợ chi phí đào tạo

Mức hỗ trợ cụ thể theo từng ngành, nghề và thời gian học thực tế được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của UBND tỉnh Lai Châu quy định mức chi phí đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 1145/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 của UBND tỉnh Lai Châu về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về mức chi phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng trên địa bàn kèm theo Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của UBND tỉnh.

b) Mức hỗ trợ tiền ăn, đi lại

Đối tượng được hỗ trợ: Người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; người khuyết tật; người dân tộc thiểu số; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; người thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng. Mức hỗ trợ tiền ăn 30.000 đồng/người/ngày thực học. Hỗ trợ tiền đi lại 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ tiền đi lại 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 05 km trở lên.

4. Quy mô đào tạo, chương trình, phương thức đào tạo, nội dung chi

a) Quy mô đào tạo: Tối thiểu 25 học viên/lớp; tối đa 35 học viên/lớp.

b) Chương trình, giáo trình đào tạo

Chương trình, giáo trình đào tạo do đơn vị tham gia đào tạo cho lao động nông thôn xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương; điều kiện giảng dạy của cơ sở, trình độ của người học theo hướng dẫn tại Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH quy định về đào tạo sơ cấp, Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH quy định về đào tạo thường xuyên, Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 quy định về đào tạo trình độ sơ cấp và Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 quy định về đào tạo thường xuyên.

c) Hình thức hỗ trợ đào tạo

Thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu đào tạo nghề theo quy định tại Quyết định số 620/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu.

- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đủ điều kiện hoạt động giáo dục nghề nghiệp căn cứ kinh phí thực hiện nhiệm vụ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng có trách nhiệm thanh toán tiền ăn, tiền đi lại cho người học theo quy định. Trường hợp người học tự ý nghỉ học, bỏ học hoặc buộc thôi học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp quyết toán kinh phí hỗ trợ học nghề theo số lượng học viên và thời gian thực tế tham gia học nghề.

d) Nội dung chi: Nội dung chi thực hiện theo quy định tại Điều 10, Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính.

IV. NGÀNH NGHỀ, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM ĐÀO TẠO

1. Ngành nghề, thời gian đào tạo: *(Có phụ lục kèm theo).*

2. Địa điểm mở lớp đào tạo

Thực hiện linh hoạt tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc lưu động tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, tại các xã, phường trên địa bàn thành phố *(Địa điểm dạy nghề phải đảm bảo về phòng học, phương tiện, thiết bị đào tạo...theo quy định).*

V. KINH PHÍ

Kinh phí đào tạo được thực hiện lồng ghép từ các nguồn: Ngân sách Trung ương; Ngân sách tỉnh; Ngân sách thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia; Ngân

sách thành phố tự cân đối và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Việc thanh toán, quyết toán kinh phí đào tạo cho lao động nông thôn năm 2023 thực hiện theo quy định.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị là thành viên BCD thực hiện Đề án 1956 của thành phố triển khai thực hiện kế hoạch; tổ chức tư vấn, hướng nghiệp dạy nghề, giới thiệu việc làm cho người lao động.

Tham mưu UBND thành phố Kế hoạch, Quyết định kiểm tra, giám sát công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, chủ trì hướng dẫn kiểm tra, giám sát.

Cung cấp các thông tin liên quan đến công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho các cơ quan, đơn vị, đoàn thể; UBND các xã, phường triển khai thực hiện.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định danh sách đăng ký đào tạo nghề; kiểm tra, giám sát công tác đào tạo nghề. Đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch, kịp thời báo cáo UBND thành phố những khó khăn, vướng mắc để kịp thời xử lý.

Tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát đánh giá tình hình thực hiện Đề án trên địa bàn thành phố.

Định kỳ 6 tháng, năm tham mưu xây dựng báo cáo tình hình thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, phối hợp với phòng Nội vụ thành phố; đề xuất khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác.

2. Phòng Nội vụ thành phố

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu cho UBND thành phố thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã, phường; tham gia kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Đề án đào tạo nghề trên địa bàn.

3. Phòng Kinh tế thành phố

- Hướng dẫn các xã, phường xác định danh mục nghề đào tạo, nhu cầu học nghề nông nghiệp của lao động nông thôn trên địa bàn các xã, phường.

- Đề xuất các cơ sở tham gia dạy nghề, nông nghiệp, phi nông nghiệp cho lao động nông thôn.

- Khai thác thông tin thị trường hàng hóa cho lao động nông thôn trên các kênh thông tin về tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm; hỗ trợ việc tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

- Phối hợp với phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện kiểm tra, giám sát công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn.

4. Trung tâm Văn hóa Thể thao và Truyền thông thành phố

Chủ trì, phối hợp với phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, phòng Kinh tế tổ chức tuyên truyền công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn; các mô hình dạy nghề gắn với việc làm có hiệu quả để lao động nông thôn biết và lựa chọn; tham gia kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Đề án trên địa bàn.

5. Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố

Tham mưu cho UBND thành phố quyết định phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc thẩm quyền theo quy định. Theo dõi, quyết toán nguồn kinh phí theo đúng quy định Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn; phối hợp với phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện kiểm tra, giám sát công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn.

6. Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền cho phụ huynh, học sinh và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác giáo dục định hướng phân luồng học sinh phổ thông; tham gia kiểm tra việc dạy nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị thành viên

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, triển khai nội dung kế hoạch tới toàn thể đoàn viên, hội viên; vận động đoàn viên, hội viên tham gia học nghề. Phối hợp với phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ sở dạy nghề thực hiện tư vấn, chiêu sinh, giới thiệu việc làm; tham gia kiểm tra, giám sát các nội dung của kế hoạch..

8. UBND các xã, phường

- Tổ chức triển khai nội dung Kế hoạch đến các tổ dân phố, bản, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn.

- Tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm tới toàn thể cán bộ, Nhân dân, người lao động trên địa bàn.

- Thống kê số lao động nông thôn có nhu cầu thực tế cần học nghề trên địa bàn, nhu cầu tuyển dụng lao động qua đào tạo nghề của doanh nghiệp, cơ sở sản

xuất kinh doanh, dịch vụ, tuyên truyền, tư vấn cho lao động nông thôn lựa chọn nghề phù hợp, đề xuất danh mục nghề đào tạo nhu cầu học nghề của lao động nông thôn gửi phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Xây dựng Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2023.
- Tham gia quản lý, kiểm tra, giám sát các lớp dạy nghề theo quy định.
- Cập nhật và quản lý lao động sau học nghề, lao động có việc làm mới trong năm, các mô hình kinh tế sau học nghề của người lao động.

Trên đây là Kế hoạch đào tạo nghề cho người lao động năm 2023 trên địa bàn thành phố Lai Châu, đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các xã, phường chỉ đạo, triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- TT. Thành ủy, HĐND, UBND thành phố;
- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể liên quan;
- UBND các xã, phường;
- Trang thông tin điện tử thành phố Lai Châu;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Đình Tiến